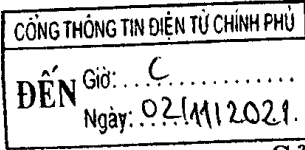


Số: 95/2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2021

**NGHỊ ĐỊNH****Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu

1. Khoản 2 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Nghị định này không áp dụng đối với thương nhân nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất và pha chế các loại xăng dầu chuyên dùng cho nhu cầu riêng của mình với số lượng không quá 200 lít/kg/tháng và không lưu thông trên thị trường.”

2. Khoản 1, khoản 3, khoản 7, khoản 9, khoản 10, khoản 11 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Xăng dầu là tên chung để chỉ các sản phẩm của quá trình công nghệ chung cất, chế biến dầu thô, chất thải và các nguyên vật liệu khác để tạo ra các sản phẩm dùng làm nhiên liệu, bao gồm: xăng, nhiên liệu điêzen, dầu hỏa, dầu madút, nhiên liệu hàng không, nhiên liệu sinh học và các sản phẩm khác dùng làm nhiên liệu, không bao gồm các loại khí hóa lỏng và khí nén thiên nhiên.”

“3. Sản xuất xăng dầu là quá trình công nghệ chung cất, chế biến dầu thô, sản phẩm xăng dầu, bán thành phẩm xăng dầu, chất thải và các nguyên vật liệu khác thành các sản phẩm xăng dầu.”

“7. Giá xăng dầu thế giới là giá các sản phẩm xăng dầu được giao dịch trên thị trường quốc tế do Bộ Công Thương xác định và công bố.”

“9. Giá cơ sở được xác định dựa trên các yếu tố hình thành giá tổng hợp từ các nguồn xăng dầu sản xuất trong nước, nhập khẩu; làm căn cứ để cơ quan nhà nước xác định giá điều hành (giá cơ sở trừ (-) đi mức chi sử dụng Quỹ bình ổn giá), là căn cứ cho việc quyết định giá bán lẻ xăng dầu trong nước (riêng dầu madút là giá bán buôn).”

“10. Thương nhân kinh doanh xăng dầu bao gồm: Thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu; thương nhân đầu mỗi sản xuất xăng dầu; thương nhân phân phối xăng dầu; thương nhân làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu; thương nhân làm đại lý bán lẻ xăng dầu; thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu; thương nhân kinh doanh dịch vụ xăng dầu.”

“11. Thương nhân đầu mỗi bao gồm thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu và thương nhân đầu mỗi sản xuất xăng dầu.

Thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu là thương nhân mua xăng dầu trực tiếp từ nhà máy sản xuất, pha chế xăng dầu (hoặc từ doanh nghiệp được giao quyền bao tiêu toàn bộ sản phẩm xăng dầu của nhà máy trong trường hợp nhà máy sản xuất không trực tiếp bán xăng dầu thành phẩm) hoặc nhập khẩu xăng dầu để cung ứng xăng dầu cho hệ thống của mình, bán cho thương nhân kinh doanh xăng dầu khác và xuất khẩu xăng dầu.

Doanh nghiệp được giao quyền bao tiêu toàn bộ sản phẩm xăng dầu của nhà máy lọc dầu được quyền xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu thành phẩm để bảo đảm cân đối nguồn xăng dầu cung cấp cho các thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu theo hướng dẫn của Bộ Công Thương.

Thương nhân đầu mỗi sản xuất xăng dầu là thương nhân thực hiện quá trình công nghệ chưng cất, chế biến dầu thô, sản phẩm xăng dầu, bán thành phẩm xăng dầu, chất thải và các nguyên vật liệu khác thành các sản phẩm xăng dầu.”

3. Bổ sung khoản 17, khoản 18, khoản 19, khoản 20 vào Điều 3

“17. Nhiên liệu sinh học tại Nghị định này là các loại xăng, nhiên liệu đi-ê-zen, Etanol nhiên liệu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu đi-ê-zen và nhiên liệu sinh học do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.”

“18. Sở hữu cơ sở vật chất kinh doanh xăng dầu (gồm cửa hàng bán lẻ xăng dầu, kho, phương tiện vận tải, cầu cảng, phương tiện tra nạp, phòng thử nghiệm và các phương tiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh xăng dầu) tại Nghị định này là việc chủ sở hữu sở hữu riêng hoặc sở hữu chung theo phần

với tỷ lệ phần sở hữu tối thiểu 35% giá trị loại cơ sở vật chất tại thời điểm xác lập quyền sở hữu cơ sở vật chất đó.”

“19. Bỏ khái niệm “đồng sở hữu” quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.”

“20. Thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ là thiết bị bán xăng dầu được đặt tại các điểm bán xăng dầu cố định đã đăng ký với cơ quan chức năng, đã được kiểm soát về đo lường và an toàn phòng cháy chữa cháy và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật. Bộ Công Thương hướng dẫn chi tiết giới hạn sức chứa xăng dầu của thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ.”

4. Bổ sung Điều 5a sau Điều 5 như sau:

“Điều 5a. Chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài

Ngoài các thương nhân kinh doanh xăng dầu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt góp vốn hoặc chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài, thương nhân kinh doanh xăng dầu có hoạt động sản xuất xăng dầu nếu có nhu cầu chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài thì phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép.”

5. Đổi tên thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP thành thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu. Đổi tên Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu thành Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu.

Sửa đổi Mẫu số 1, Mẫu số 2, Mẫu số 3, bổ sung Mẫu số 3a, Mẫu số 4a tại Phụ lục của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

6. Khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 7 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Có kho tiếp nhận xăng dầu nhập khẩu dung tích tối thiểu mười lăm nghìn mét khối (15.000 m³) để trực tiếp nhận xăng dầu từ tàu chở xăng dầu và phương tiện vận tải xăng dầu chuyên dụng khác, thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.”

“4. Có phương tiện vận tải xăng dầu nội địa thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.”

“5. Có hệ thống phân phối xăng dầu: tối thiểu mười (10) cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên, trong đó có ít nhất năm (05) cửa hàng thuộc sở hữu của doanh nghiệp; tối thiểu bốn mươi (40) tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc đại lý bán lẻ xăng

dầu hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu thuộc hệ thống phân phối của thương nhân.”

“7. Thương nhân đầu mỗi kinh doanh nhiên liệu hàng không không bắt buộc phải có hệ thống phân phối quy định tại khoản 5 Điều này nhưng phải đáp ứng thêm điều kiện sau:

- Có phương tiện vận tải, xe tra nạp nhiên liệu hàng không phù hợp với quy định, tiêu chuẩn mặt hàng nhiên liệu hàng không thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên.

- Có kho tiếp nhận tại sân bay với các trang thiết bị, cơ sở vật chất đáp ứng các tiêu chuẩn của mặt hàng nhiên liệu hàng không thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên.

- Có phòng thử nghiệm đủ năng lực thuộc sở hữu hoặc thuê để kiểm tra chất lượng mặt hàng nhiên liệu hàng không theo tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế theo quy định hiện hành.”

7. Điểm a, điểm d khoản 2 và khoản 6 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Đối với trường hợp cấp mới, hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu theo Mẫu số 1 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 7 Nghị định này, kèm theo các tài liệu chứng minh;

- Danh sách cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê, danh sách tổng đại lý kinh doanh xăng dầu, đại lý bán lẻ kinh doanh xăng dầu, thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu thuộc hệ thống phân phối xăng dầu của thương nhân theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định này, kèm theo các tài liệu chứng minh.”

“d) Trường hợp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu hết hiệu lực thi hành, thương nhân phải lập hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới quy định tại điểm a khoản này và gửi về Bộ Công Thương trước ít nhất ba mươi (30) ngày làm việc, trước khi Giấy xác nhận hết hiệu lực.”

“6. Bộ Công Thương có thẩm quyền thu hồi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu. Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu bị thu hồi trong các trường hợp: thương nhân không hoạt động kinh doanh xăng dầu trong thời gian một

(01) quý trở lên; thương nhân không thực hiện đủ tổng nguồn tối thiểu được Bộ Công Thương giao trong hai (02) năm liên tiếp; thương nhân bị phá sản theo quy định của pháp luật; thương nhân không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định này; thương nhân không dự trữ xăng dầu theo đúng quy định tại Điều 31 Nghị định này; thương nhân vi phạm nhiều lần quy định về bảo đảm chất lượng xăng dầu lưu thông trên thị trường tại Nghị định này và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.”

8. Sửa đổi khoản 1, khoản 2, khoản 7, khoản 11, khoản 18 Điều 9 và bổ sung khoản 20, khoản 21 Điều 9 như sau:

“1. Được Bộ Công Thương phân giao tổng nguồn xăng dầu tối thiểu hàng năm.”

“2. Được quyền nhập khẩu hoặc mua trong nước nguyên liệu để pha chế xăng dầu, thông báo cho cơ quan hải quan làm thủ tục và kiểm soát việc nhập khẩu nguyên liệu của thương nhân.”

“7. Bảo đảm nguồn cung xăng dầu không thấp hơn mức tổng nguồn tối thiểu được Bộ Công Thương phân giao cho cả năm theo đúng tiến độ theo quý hoặc theo văn bản hướng dẫn cụ thể của Bộ Công Thương; bảo đảm chất lượng, số lượng, cơ cấu chủng loại và mức dự trữ xăng dầu bắt buộc tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định này.”

“11. Thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu là chủ sở hữu xăng dầu trên toàn hệ thống phân phối xăng dầu của mình, trừ trường hợp xăng dầu bán cho thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu khác, thương nhân phân phối xăng dầu và bán cho thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu. Thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu phải đăng ký hệ thống phân phối của mình theo quy định của Bộ Công Thương.”

“18. Được ủy quyền cho Công ty con trực thuộc thực hiện một số thẩm quyền kinh doanh xăng dầu theo hướng dẫn của Bộ Công Thương.”

“20. Thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu phải thực hiện trích lập, chi sử dụng, quản lý Quỹ bình ổn giá xăng dầu và báo cáo, công khai theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.”

“21. Trường hợp thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu bị thu hồi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu, hoặc không làm thủ tục cấp mới khi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu hết hạn, hoặc thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu chủ động đăng ký không tiếp tục làm thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu, hoặc doanh nghiệp là thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu bị phá sản, giải thể, thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu có nghĩa vụ chuyển, nộp toàn bộ số dư Quỹ bình ổn giá xăng dầu vào ngân sách nhà nước (nếu Quỹ bình ổn giá tại doanh nghiệp có số dư dương).”

9. Khoản 1, khoản 3, khoản 8 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Được mua nguyên liệu trong nước, trực tiếp nhập khẩu nguyên liệu, thành phẩm xăng dầu hoặc ủy thác cho thương nhân có Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu thực hiện. Việc nhập khẩu nguyên liệu và thành phẩm xăng dầu phải theo kế hoạch đã được Bộ Công Thương xác nhận, thông báo cho cơ quan hải quan làm thủ tục và kiểm soát việc nhập khẩu nguyên liệu và thành phẩm xăng dầu của thương nhân.”

“3. Được tiêu thụ tại thị trường trong nước xăng dầu do thương nhân sản xuất thông qua hệ thống phân phối của mình theo quy định tại khoản 8 Điều này, được bán xăng dầu cho thương nhân đầu mối khác. Ngoài ra, được bán các loại xăng dầu đặc chủng (là các loại xăng dầu không được phép lưu thông trên thị trường) cho các đơn vị chức năng để phục vụ mục tiêu an ninh, quốc phòng theo danh sách đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.”

“8. Tổ chức hệ thống phân phối xăng dầu trong nước, phải tuân thủ các quy định tại khoản 4 và 5 Điều 7; khoản 3, 4, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và 18 Điều 9 Nghị định này và được Bộ Công Thương cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu.”

10. Khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 13 được sửa đổi như sau:

“2. Có kho, bể dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m³), thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.”

“3. Có phương tiện vận tải xăng dầu thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.”

“5. Có hệ thống phân phối xăng dầu trên địa bàn từ hai (02) tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên, bao gồm tối thiểu năm (05) cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên, trong đó có ít nhất ba (03) cửa hàng thuộc sở hữu; tối thiểu mười (10) cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc các đại lý hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.”

11. Sửa đổi điểm d và bổ sung vào điểm a khoản 2 Điều 14 nội dung sau:

Bổ sung vào điểm a:

“- Bản sao Hợp đồng mua bán xăng dầu của thương nhân đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu với thương nhân cung cấp xăng dầu.”

Sửa đổi điểm d:

“d) Trường hợp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu hết hiệu lực thi hành, thương nhân phải lập hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới quy định tại điểm a khoản này và gửi về Bộ Công Thương trước ít nhất ba mươi (30) ngày làm việc, trước khi Giấy xác nhận hết hiệu lực.”

12. Khoản 1, khoản 4 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Được mua xăng dầu từ nhiều thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu và thương nhân phân phối xăng dầu khác theo Hợp đồng mua bán xăng dầu.”

“4. Ngoài việc bán lẻ tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu trực thuộc thương nhân, nhượng quyền thương mại cho thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu, bán xăng dầu cho các đơn vị trực tiếp sử dụng xăng dầu phục vụ sản xuất, chỉ được giao xăng dầu bằng hình thức đại lý quy định tại Luật Thương mại cho thương nhân làm đại lý quy định tại Điều 19 và thương nhân này không vi phạm quy định tại khoản 2 và 3 Điều 21 Nghị định này.”

13. Khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Có kho, bể chứa xăng dầu dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m³), thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.”

“3. Có phương tiện vận tải xăng dầu thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.”

“4. Có hệ thống phân phối xăng dầu: tối thiểu năm (05) cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên, trong đó có ít nhất ba (03) cửa hàng thuộc sở hữu; tối thiểu mười (10) cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc các đại lý được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.”

14. Điểm d khoản 3 Điều 17 được sửa đổi như sau:

“d) Trường hợp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hết hiệu lực thi hành, thương nhân phải lập hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới quy định tại điểm a khoản này và gửi về cơ quan có thẩm quyền trước ít nhất ba mươi (30) ngày làm việc, trước khi Giấy xác nhận hết hiệu lực.”

15. Khoản 2 Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.”

16. Khoản 3 Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Trường hợp thương nhân là đại lý bán lẻ xăng dầu chỉ có một (01) cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê không phải thực hiện việc cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.”

17. Khoản 2 Điều 22 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.”

18. Khoản 2, khoản 3 Điều 24 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên của thương nhân là đại lý bán lẻ xăng dầu hoặc tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định tại Nghị định này (thương nhân đề nghị cấp phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu). Trường hợp đi thuê cửa hàng bán lẻ xăng dầu, thương nhân đi thuê phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.”

“3. Được thiết kế, xây dựng và có trang thiết bị theo đúng quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu, bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.”

19. Bổ sung Điều 24a như sau:

“Điều 24a. Thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ

Loại hình thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ được phép hoạt động nếu đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Được kiểm soát về đo lường và kiểm định an toàn bởi các cơ quan chức năng theo quy định.

2. Hoạt động tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa theo hướng dẫn của Bộ Công Thương phù hợp với các quy định hiện hành.

3. Thuộc sở hữu của thương nhân là đại lý bán lẻ xăng dầu hoặc tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định tại Nghị định này.

4. Thương nhân kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ phải gửi hồ sơ thông báo đến Sở Công Thương địa phương nơi đặt thiết bị bán xăng dầu để được cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ.

a) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ bao gồm:

- Thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ theo Mẫu số 3a của Phụ lục kèm theo Nghị định này.

- Bản sao Giấy xác nhận làm thương nhân kinh doanh xăng dầu theo các loại hình tương ứng theo quy định tại Nghị định này.

- Bản sao Chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy của nhân viên kinh doanh trực tiếp.

- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ.

b) Sau thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ, Sở Công Thương phải có Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu theo Mẫu số 4a tại Phụ lục kèm theo Nghị định này gửi cho đơn vị kinh doanh thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ. Nếu hồ sơ gửi đến Sở Công Thương không đầy đủ, sau ba (03) ngày làm việc, Sở Công Thương phải có công văn yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ theo quy định.

5. Trường hợp thương nhân thay đổi thông tin trên Giấy tiếp nhận thông báo bán lẻ xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ, thương nhân nộp hồ sơ chứng minh việc thay đổi thông tin hoặc trường hợp Giấy tiếp nhận bị thất lạc, hỏng, thương nhân nộp hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này và gửi về Sở Công Thương để cấp lại Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ.”

20. Bổ sung vào điểm a, sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 25 như sau:

“a) Đối với trường hợp cấp mới, hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của thương nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu;

- Bản kê trang thiết bị của cửa hàng bán lẻ xăng dầu theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định này và tài liệu chứng minh tính hợp pháp về xây dựng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu;

- Bản sao chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý và nhân viên cửa hàng theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định này;

- Bản sao văn bản xác nhận cung cấp hàng cho các cửa hàng xăng dầu của thương nhân cung cấp;

- Bản sao giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên của thương nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận.”

“d) Trường hợp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu hết hiệu lực thi hành, thương nhân phải lập hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới quy định tại điểm a khoản này và gửi về Sở Công Thương trước ít nhất ba mươi (30) ngày làm việc, trước khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực. Trường hợp cửa hàng xăng dầu không xây mới hoặc cải tạo mở rộng, hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận khi hết hiệu lực thi hành không bao gồm tài liệu chứng minh tính hợp pháp về xây dựng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu.”

21. Khoản 6 Điều 26 được sửa đổi như sau:

“6. Chỉ ngừng bán hàng sau khi được Sở Công Thương chấp thuận bằng văn bản, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng (cháy nổ, lũ lụt hoặc đã nỗ lực áp dụng các biện pháp khắc phục nhưng không thể duy trì việc bán hàng).”

22. Khoản 1 và khoản 4 Điều 29 được sửa đổi như sau:

“1. Được kinh doanh dịch vụ cho thuê cảng, kho tiếp nhận xăng dầu, kinh doanh dịch vụ vận tải và tra nạp xăng dầu theo hợp đồng đã ký.”

“4. Nếu có hoạt động kinh doanh khác về xăng dầu (thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối, tổng đại lý, đại lý, thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu) phải thực hiện đúng các quy định về hoạt động kinh doanh đó.”

23. Điều 31 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu và thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu có tổ chức hệ thống phân phối xăng dầu phải bảo đảm ổn định mức dự trữ xăng dầu bắt buộc tối thiểu bằng hai mươi (20) ngày cung ứng, tính theo sản lượng tiêu thụ nội địa bình quân một (01) ngày của năm trước liền kề, cả về cơ cấu chủng loại; bao gồm dự trữ phục vụ an ninh năng lượng quốc gia, dự trữ lưu thông bắt buộc.

2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, thương nhân phân phối xăng dầu phải bảo đảm ổn định mức dự trữ xăng dầu bắt buộc tối thiểu bằng năm

(05) ngày cung ứng, tính theo sản lượng tiêu thụ nội địa bình quân một (01) ngày của năm trước liền kề, cả về cơ cấu chủng loại.

3. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, thương nhân đầu mỗi sản xuất xăng dầu phải bảo đảm ổn định mức dự trữ xăng dầu bắt buộc tối thiểu theo các quy định hiện hành về dự trữ xăng dầu.

4. Cơ chế sử dụng nguồn xăng dầu dự trữ bắt buộc thực hiện theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia và/hoặc theo chỉ đạo của Bộ Công Thương để phục vụ công tác bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn thị trường khi cần thiết.”

24. Điều 33 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 33. Tổng nguồn xăng dầu tối thiểu

1. Hàng năm, căn cứ nhu cầu xăng dầu của nền kinh tế quốc dân và nguồn xăng dầu sản xuất trong nước, Bộ Công Thương xác định nhu cầu định hướng về tổng nguồn xăng dầu của năm tiếp theo. Nhu cầu xăng dầu phục vụ cho quốc phòng được xác định riêng.

2. Trên cơ sở nhu cầu định hướng về tổng nguồn xăng dầu thực tế tiêu thụ nội địa của năm trước liền kề và đăng ký của thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu, Bộ Công Thương giao tổng nguồn xăng dầu tối thiểu phục vụ tiêu thụ nội địa cả năm theo cơ cấu chủng loại cho từng thương nhân có Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu.

3. Trong trường hợp cần thiết, nhằm bảo đảm nguồn cung, Bộ Công Thương quy định cụ thể tiến độ nhập khẩu hoặc mua xăng dầu trong nước để thương nhân đầu mỗi thực hiện.

4. Căn cứ nhu cầu thị trường, thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu quyết định tổng khối lượng xăng dầu kinh doanh các loại để tiêu thụ tại thị trường trong nước nhưng không thấp hơn mức tối thiểu được giao.

5. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc bảo đảm tổng nguồn xăng dầu tối thiểu của các thương nhân, bảo đảm đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế và tiêu dùng của xã hội. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Công Thương điều chỉnh mức tổng nguồn tối thiểu đã giao cho các thương nhân.”

25. Điều 34 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 34. Thủ tục đăng ký tổng nguồn xăng dầu tối thiểu

1. Hàng năm, trên cơ sở tình hình tiêu thụ xăng dầu trong năm và kế hoạch phát triển trong năm tiếp theo, thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu đăng ký tổng nguồn xăng dầu tối thiểu với Bộ Công Thương.

2. Hồ sơ đăng ký là một (01) bộ, gồm có:

a) Công văn đề nghị trong đó nêu rõ số lượng, chủng loại xăng dầu đăng ký được giao tổng nguồn tối thiểu.

b) Báo cáo tình hình kinh doanh xăng dầu của đơn vị trong năm.”

26. Điều 37 được sửa đổi bổ sung như sau:

“Điều 37. Quỹ bình ổn giá xăng dầu

1. Quỹ bình ổn giá xăng dầu là Quỹ tài chính không nằm trong cân đối ngân sách nhà nước (sau đây gọi chung là Quỹ bình ổn giá); toàn bộ nguồn trích lập, chi sử dụng để tham gia điều tiết, hỗ trợ cho mục tiêu bình ổn giá bán xăng dầu trong nước.

Thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu có nghĩa vụ trích lập Quỹ bình ổn giá; hạch toán và theo dõi riêng Quỹ bình ổn giá bằng tài khoản mở tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (sau đây gọi chung là ngân hàng) theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc lựa chọn ngân hàng, quản lý và đảm bảo bảo toàn số dư Quỹ bình ổn giá.

2. Trích lập, chi sử dụng Quỹ bình ổn giá

a) Mức trích lập Quỹ bình ổn giá: là một yếu tố cấu thành giá cơ sở; là một khoản tiền cụ thể tính trên một lít, kg xăng, dầu thực tế tiêu thụ (đồng/lít, kg) theo thông báo điều hành giá xăng dầu của Bộ Công Thương.

Trường hợp tại thời điểm điều hành giá xăng dầu nếu số dư Quỹ bình ổn giá lớn, Bộ Công Thương xem xét có phương án điều chỉnh giảm hoặc tạm dừng trích lập Quỹ bình ổn giá.

b) Mức chi sử dụng Quỹ bình ổn giá: là một khoản tiền cụ thể tính trên một lít, kg xăng, dầu thực tế tiêu thụ (đồng/lít, kg) theo thông báo điều hành giá xăng dầu của Bộ Công Thương, được xem xét điều hành linh hoạt trong các trường hợp giá cơ sở tăng cao hoặc việc tăng giá xăng, dầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân.

Thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu chỉ được chi sử dụng Quỹ bình ổn giá theo thông báo điều hành giá xăng dầu của Bộ Công Thương, không được sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu cho các mục đích khác.

c) Bộ Công Thương căn cứ tình hình thực tế, số dư Quỹ bình ổn giá, diễn biến giá cơ sở xăng dầu tại thời điểm điều hành giá xăng dầu để quyết định mức trích lập, mức chi sử dụng Quỹ bình ổn giá sau khi thống nhất về chủ trương với Bộ Tài chính.

d) Số tiền trích lập, chi sử dụng Quỹ bình ổn giá trong kỳ phải được đối trừ và nộp kịp thời vào tài khoản Quỹ bình ổn giá tại ngân hàng; số dư tài khoản tiền gửi Quỹ bình ổn giá được tính lãi suất theo mức lãi suất áp dụng cho tài khoản tiền gửi thanh toán của ngân hàng nơi thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu mở tài khoản tiền gửi Quỹ bình ổn giá trong cùng thời kỳ. Phần lãi phát sinh trên tài khoản số dư Quỹ bình ổn giá dương được hạch toán vào Quỹ bình ổn giá.

Thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu sử dụng Quỹ bình ổn giá theo thông báo điều hành của Bộ Công Thương nhưng tại thời điểm đó số dư của tài khoản tiền gửi Quỹ bình ổn giá không còn (số dư tài khoản tiền gửi Quỹ bình ổn giá tại ngân hàng bằng không (0)), thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu được vay vốn hoặc sử dụng các nguồn tài chính hợp pháp để bù đắp cho phần chi sử dụng vượt Quỹ bình ổn giá (phần số dư Quỹ bình ổn giá âm).

- Trường hợp thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu vay vốn ngân hàng để bù đắp cho phần chi sử dụng vượt Quỹ bình ổn giá, sẽ được tính lãi suất theo mức lãi suất thỏa thuận thấp nhất tại ngân hàng nơi thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu vay vốn.

- Trường hợp thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu sử dụng các nguồn tài chính hợp pháp để bù đắp cho phần chi sử dụng vượt Quỹ bình ổn giá, sẽ được tính lãi suất tối đa bằng mức lãi suất áp dụng cho tài khoản tiền gửi thanh toán thấp nhất của một (01) trong các ngân hàng nơi thương nhân đầu mỗi mở tài khoản tiền gửi Quỹ bình ổn giá.

3. Thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu có trách nhiệm công bố công khai trên phương tiện thông tin điện tử của doanh nghiệp hoặc trên phương tiện thông tin đại chúng về tình hình trích lập, chi sử dụng, lãi phát sinh và số dư Quỹ bình ổn giá; đồng thời báo cáo về Bộ Tài chính, Bộ Công Thương.

4. Thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện trích lập, chi sử dụng, quản lý Quỹ bình ổn giá xăng dầu và báo cáo, công khai theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp vi phạm, căn cứ mức độ của hành vi sẽ bị xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 và Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). Thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu vi phạm nhiều lần sẽ bị xem xét đình chỉ hoạt động kinh doanh hoặc thu hồi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Bộ Tài chính hướng dẫn phương thức trích lập, chi sử dụng, quản lý về Quỹ bình ổn giá xăng dầu; quy mô Quỹ bình ổn giá xăng dầu; kiểm tra, giám sát thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu thực hiện các quy định về trích lập, chi sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu.”

27. Điều 38 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 38. Nguyên tắc điều hành giá xăng dầu

1. Giá bán xăng dầu được thực hiện theo cơ chế thị trường, có sự điều tiết của Nhà nước, phù hợp với diễn biến giá xăng dầu thế giới và tình hình kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.

2. Thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu và thương nhân phân phối xăng dầu được quyền quyết định giá bán buôn. Căn cứ vào tình hình thực tế tại doanh nghiệp, thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu và thương nhân phân phối xăng dầu quyết định giá bán lẻ xăng dầu (riêng dầu madút là giá bán buôn) trong hệ thống phân phối của mình phù hợp với chi phí phát sinh thực tế tại doanh nghiệp và không cao hơn giá điều hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố.

Đối với các địa bàn xa cảng, xa kho đầu mối, xa cơ sở sản xuất xăng dầu, nếu có chi phí thực tế phát sinh hợp lý, hợp lệ (đã được kiểm toán) tăng cao dẫn đến giá bán cao hơn giá điều hành, thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu được quyết định giá bán thực tế tại địa bàn đó (đã được thông báo với Bộ Công Thương) để bù đắp chi phí phát sinh nhưng không vượt quá 2% giá điều hành công bố cùng thời điểm.

Các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, thương nhân phân phối xăng dầu có trách nhiệm thông báo giá bán với Bộ Công Thương, Bộ Tài chính ngay sau khi quyết định giá bán xăng dầu của doanh nghiệp.

3. Thời gian điều hành giá xăng dầu

Thời gian điều hành giá xăng dầu vào các ngày mùng 1, ngày 11 và ngày 21 hàng tháng. Đối với các kỳ điều hành trùng vào ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ theo quy định của nhà nước, thời gian điều hành được lùi sang ngày làm việc tiếp theo sau ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ. Đối với kỳ điều hành trùng vào dịp Tết Nguyên đán, thời gian điều hành được lùi sang kỳ điều hành tiếp theo.

Trường hợp giá các mặt hàng xăng dầu có biến động bất thường, ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân, Bộ Công Thương có trách nhiệm báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thời gian điều hành giá xăng dầu cho phù hợp.

4. Trường hợp các yếu tố cấu thành biến động làm cho giá cơ sở tăng trên mười phần trăm (> 10%) so với giá cơ sở liền kề trước đó hoặc trường

hợp giá các mặt hàng xăng dầu có biến động ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân, Bộ Công Thương có trách nhiệm báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định về biện pháp điều hành cụ thể.

5. Các mặt hàng xăng dầu nhà nước công bố giá cơ sở là những mặt hàng xăng dầu được tiêu dùng phổ biến trên thị trường.”

28. Bổ sung Điều 38a sau Điều 38 về công thức giá cơ sở như sau:

“Điều 38a. Công thức giá cơ sở:

1. Giá cơ sở xăng dầu được xác định bằng (=) giá xăng dầu từ nguồn nhập khẩu nhân với (x) tỷ trọng (%) sản lượng xăng dầu từ nguồn nhập khẩu cộng (+) giá xăng dầu từ nguồn sản xuất trong nước nhân với (x) tỷ trọng (%) sản lượng xăng dầu từ nguồn sản xuất trong nước, trong đó:

a) Các yếu tố hình thành giá cơ sở, trong đó có các khoản chi phí về thuế để tính giá cơ sở xăng dầu theo quy định tại Nghị định này chỉ để áp dụng tính toán giá cơ sở xăng dầu.

b) Tỷ trọng (%) sản lượng xăng dầu từ nguồn sản xuất trong nước và nhập khẩu để tính giá cơ sở được xác định hàng quý; tỷ trọng sản lượng của quý trước liền kề được áp dụng để tính giá cơ sở cho các kỳ điều hành giá cơ sở của quý tiếp theo.

Định kỳ hàng quý, trên cơ sở số liệu cung cấp về sản lượng xăng dầu nhập khẩu của Bộ Tài chính và báo cáo sản lượng bán xăng dầu trong nước của các thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu (từ ngày 21 tháng trước liền kề tháng đầu tiên của quý đến ngày 20 tháng cuối quý), cơ quan chủ trì điều hành giá xăng dầu tính toán, xác định tỷ trọng (%) sản lượng xăng dầu từ nguồn trong nước và nhập khẩu để tính giá cơ sở.

c) Giá xăng dầu từ nguồn nhập khẩu được xác định bằng (=) giá xăng dầu thế giới cộng (+) chi phí đưa xăng dầu từ nước ngoài về cảng Việt Nam cộng (+) chi phí kinh doanh định mức cộng (+) mức trích lập Quỹ bình ổn giá cộng (+) lợi nhuận định mức cộng (+) chi phí về thuế (thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế bảo vệ môi trường (nếu có), thuế giá trị gia tăng) cộng (+) phí và các khoản trích nộp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong đó:

- Giá xăng dầu thế giới do Bộ Công Thương xác định theo nguyên tắc tính bình quân theo số ngày có giá giữa hai kỳ công bố giá cơ sở của giá các sản phẩm xăng dầu được giao dịch trên thị trường quốc tế.

- Chi phí đưa xăng dầu từ nước ngoài về cảng Việt Nam (gồm cộng (+) hoặc trừ (-) premium là yếu tố điều chỉnh giá trong hợp đồng nhập khẩu xăng

dầu, chi phí bảo hiểm, chi phí vận chuyển và các chi phí phát sinh khác nếu có), do Bộ Tài chính xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo sản lượng xăng dầu nhập khẩu và thông báo để Bộ Công Thương áp dụng trong công thức giá cơ sở. Bộ Tài chính rà soát, điều chỉnh mức chi phí đưa xăng dầu từ nước ngoài về cảng Việt Nam định kỳ 6 tháng (trừ trường hợp có biến động bất thường).

- Chi phí về thuế nhập khẩu xăng dầu được xác định trên cơ sở mức thuế suất thuế nhập khẩu bình quân gia quyền nhân (x) (giá xăng dầu thế giới cộng (+) chi phí đưa xăng dầu từ nước ngoài về cảng Việt Nam) nhân (x) tỷ giá ngoại tệ. Trong đó, mức thuế suất thuế nhập khẩu bình quân gia quyền được xác định theo quý trên cơ sở sản lượng xăng dầu nhập khẩu (trong khoảng thời gian từ ngày 21 tháng trước liền kề tháng đầu tiên của quý đến ngày 20 tháng cuối quý) và mức thuế suất thuế nhập khẩu bình quân gia quyền (%) của quý trước liền kề là căn cứ để tính giá cơ sở của quý tiếp theo. Tỷ giá ngoại tệ thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Mức thuế suất thuế nhập khẩu bình quân gia quyền (%) do Bộ Tài chính xác định và thông báo để Bộ Công Thương áp dụng tính chi phí về thuế nhập khẩu trong công thức tính giá xăng dầu từ nguồn nhập khẩu.

- Chi phí về thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) được xác định trên cơ sở giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt nhân (x) thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt, trong đó, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt được xác định trên cơ sở các yếu tố hình thành giá cơ sở do Bộ Tài chính hướng dẫn để Bộ Công Thương tính toán, áp dụng trong công thức tính giá cơ sở. Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt hiện hành.

Các chi phí về thuế bảo vệ môi trường (nếu có), thuế giá trị gia tăng, phí và các khoản trích nộp khác được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chi phí kinh doanh định mức, lợi nhuận định mức do Bộ Tài chính xác định và thông báo hàng năm để Bộ Công Thương áp dụng trong công thức tính giá cơ sở xăng dầu.

- Mức trích lập Quỹ bình ổn giá thực hiện theo thông báo của Bộ Công Thương tại thời điểm công bố giá cơ sở.

d) Giá xăng dầu từ nguồn sản xuất trong nước

Giá xăng dầu từ nguồn sản xuất trong nước bao gồm các yếu tố và được xác định bằng (=) giá xăng dầu thế giới cộng (+) hoặc trừ (-) premium (nếu có) cộng (+) chi phí đưa xăng dầu từ các nhà máy lọc dầu trong nước về đến cảng (nếu có) cộng (+) chi phí kinh doanh định mức cộng (+) mức trích lập

Quỹ bình ổn giá cộng (+) lợi nhuận định mức cộng (+) các khoản chi phí về thuế, phí và các khoản trích nộp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong đó:

- Premium để tính giá xăng dầu từ nguồn sản xuất trong nước (nếu có) là yếu tố điều chỉnh giá trong hợp đồng mua bán xăng dầu giữa thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu và thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu hoặc doanh nghiệp được giao quyền bao tiêu toàn bộ sản phẩm xăng dầu của nhà máy lọc dầu; được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo sản lượng. Premium đưa vào tính giá xăng dầu từ nguồn sản xuất trong nước tối đa không cao hơn giá thế giới bình quân nhân (x) thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thấp nhất đối với mặt hàng xăng dầu theo cam kết quốc tế (trường hợp thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thấp nhất đối với xăng dầu lớn hơn 0%).

Premium và chi phí đưa xăng dầu từ các nhà máy lọc dầu trong nước về đến cảng (nếu có) do Bộ Tài chính rà soát, xem xét điều chỉnh định kỳ 6 tháng (trừ trường hợp có biến động bất thường) và thông báo để Bộ Công Thương áp dụng trong công thức giá cơ sở.

Các chi phí thuế, phí và các khoản trích nộp khác được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Các yếu tố hình thành giá gồm giá xăng dầu thế giới, chi phí về thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), chi phí kinh doanh định mức, lợi nhuận định mức, mức trích lập Quỹ bình ổn giá thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

2. Giá cơ sở xăng sinh học được xác định bằng (=) tỷ lệ phần trăm thể tích xăng không chì (%) nhân (x) {(giá xăng thế giới cộng (+) chi phí đưa xăng từ nước ngoài về cảng Việt Nam cộng (+) chi phí về thuế nhập khẩu xăng) nhân (x) tỷ trọng sản lượng xăng nhập khẩu cộng (+) (giá xăng thế giới cộng (+) premium cộng (+) chi phí đưa xăng từ nhà máy lọc dầu trong nước đến cảng (nếu có)) nhân (x) tỷ trọng sản lượng xăng từ nguồn sản xuất trong nước} cộng (+) tỷ lệ phần trăm thể tích Etanol nhiên liệu (%) nhân (x) giá Etanol nhiên liệu cộng (+) chi phí kinh doanh định mức cộng (+) mức trích lập Quỹ bình ổn giá cộng (+) lợi nhuận định mức cộng (+) các khoản chi phí về thuế, phí và các khoản trích nộp khác theo quy định của pháp luật hiện hành, trong đó:

- Tỷ lệ phần trăm theo thể tích của xăng không chì, tỷ lệ phần trăm theo thể tích của Etanol nhiên liệu áp dụng để tính giá cơ sở xăng sinh học theo quy định tại Nghị định này là tỷ lệ cao nhất được phép pha trộn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền phù hợp với từng chủng loại xăng sinh học; tỷ lệ pha trộn thực tế nằm trong giới hạn cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

- Giá Etanol nhiên liệu áp dụng trong công thức tính giá cơ sở xăng sinh học do Bộ Tài chính xác định và thông báo với Bộ Công Thương áp dụng trong công thức tính giá cơ sở.

- Các yếu tố hình thành giá gồm: Giá xăng thế giới, chi phí đưa xăng từ nước ngoài về cảng Việt Nam, premium để tính giá xăng từ nguồn sản xuất trong nước, chi phí đưa xăng từ nhà máy lọc dầu trong nước về đến cảng (nếu có), chi phí về thuế nhập khẩu xăng, chi phí về thuế tiêu thụ đặc biệt, chi phí kinh doanh định mức, mức trích lập Quỹ bình ổn giá, lợi nhuận định mức thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

3. Rà soát điều chỉnh các yếu tố hình thành giá cơ sở

a) Định kỳ vào ngày 21 tháng cuối quý, thương nhân đầu mỗi sản xuất xăng dầu có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương, Bộ Tài chính sản lượng xăng dầu xuất bán chi tiết từng chủng loại từ ngày 21 tháng trước liền kề tháng đầu tiên của quý đến ngày 20 tháng cuối quý.

b) Định kỳ vào ngày 21 hàng tháng, thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu có trách nhiệm gửi báo cáo giá Etanol mua trong nước, giá Etanol nhập khẩu, sản lượng Etanol mua trong nước và nhập khẩu tương ứng về Bộ Tài chính, Bộ Công Thương.

c) Định kỳ trước ngày 21 tháng 6 và 21 tháng 12 hàng năm, các thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu có trách nhiệm gửi báo cáo chi phí đưa xăng dầu từ nước ngoài về cảng Việt Nam; premium đối với nguồn trong nước; chi phí đưa xăng dầu từ nhà máy lọc dầu trong nước về cảng (nếu có) về Bộ Tài chính.

d) Trước ngày 31 tháng 3 hàng năm, thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu có trách nhiệm kiểm toán riêng chuyên đề về chi phí kinh doanh xăng dầu và gửi báo cáo về Bộ Tài chính, Bộ Công Thương.

đ) Trường hợp ngày báo cáo trùng vào ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ theo quy định, việc gửi báo cáo được lùi sang ngày làm việc liền kề. Thương nhân đầu mỗi chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của số liệu báo cáo.

e) Trên cơ sở báo cáo của các thương nhân đầu mỗi, Bộ Tài chính tổng hợp, rà soát, đánh giá và tiến hành khảo sát thực tế (nếu cần thiết) để xem xét, quyết định chi phí đưa xăng dầu từ nước ngoài về cảng Việt Nam, premium đối với nguồn trong nước, chi phí đưa xăng dầu từ các nhà máy lọc dầu trong nước về đến cảng (nếu có), chi phí kinh doanh định mức và thông báo để Bộ Công Thương áp dụng trong công thức giá cơ sở.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp xác định yếu tố cấu thành giá cơ sở.”

29. Sửa đổi khoản 2 Điều 39 như sau:

“2. Bộ Công Thương có trách nhiệm công bố trên trang thông tin điện tử của mình về: Giá xăng dầu thế giới, giá cơ sở, giá điều hành các mặt hàng xăng dầu; thời điểm áp dụng và mức trích lập, mức chi sử dụng Quỹ bình ổn giá tại các kỳ điều hành giá xăng dầu; các biện pháp khác (nếu có).

Bộ Tài chính, Bộ Công Thương có trách nhiệm công bố trên trang thông tin điện tử của mình về số dư Quỹ bình ổn giá xăng dầu hàng quý.”

30. Sửa đổi điểm đ và bổ sung điểm l vào khoản 1; sửa đổi điểm a, b khoản 2; sửa đổi điểm b và bổ sung điểm e khoản 3 Điều 40 như sau:

“1. Bộ Công Thương:

đ) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính điều hành giá bán xăng dầu, điều hành trích lập và chi sử dụng Quỹ bình ổn giá. Mức trích lập và chi sử dụng Quỹ bình ổn giá tại thời điểm công bố giá cơ sở thực hiện sau khi thống nhất với Bộ Tài chính. Khi có ý kiến khác nhau, Bộ Công Thương quyết định và chịu trách nhiệm; trường hợp cần thiết, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Chủ trì, phối hợp Bộ Tài chính kiểm tra, giám sát thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối xăng dầu thực hiện các quy định tại Điều 38 Nghị định này.”

“l) Hướng dẫn địa bàn vùng sâu, vùng xa được phép hoạt động và giới hạn sức chứa xăng dầu của thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ phù hợp với quy định hiện hành.”

“2. Bộ Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương kiểm tra giám sát thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu thực hiện các quy định tại Điều 37 Nghị định này.

b) Hướng dẫn phương pháp xác định yếu tố cấu thành giá cơ sở; hướng dẫn phương thức trích lập, chi sử dụng, quản lý về Quỹ bình ổn giá; quy mô Quỹ bình ổn giá xăng dầu; kiểm tra, giám sát thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu thực hiện các quy định về trích lập, chi sử dụng Quỹ bình ổn giá.”

“3. Bộ Khoa học và Công nghệ

b) Chủ trì, phối hợp các bộ, ngành liên quan xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đo lường, chất lượng xăng dầu; hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về đo lường, chất lượng đối với xăng dầu, quy định thực hiện thống nhất trong cả nước.

e) Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện việc kiểm soát về đo lường đối với loại hình thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ.”

31. Bổ sung khoản 5a Điều 40 như sau:

“5a. Bộ Công an chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, kiểm định kỹ thuật và chứng nhận phù hợp quy định về phòng cháy, chữa cháy đối với các thiết bị bán xăng dầu.”

32. Sửa đổi khoản 6 Điều 41 như sau:

“6. Căn cứ tình hình kinh tế - xã hội, thực tiễn kinh doanh xăng dầu tại Khu vực 3 thuộc địa bàn miền núi, vùng cao theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho phép trạm cấp phát xăng dầu thuộc lực lượng vũ trang (quốc phòng, công an) được làm đại lý bán lẻ xăng dầu, thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu với quy mô, trang thiết bị phù hợp với điều kiện kinh doanh xăng dầu ở khu vực đó; các điều kiện khác phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 02 tháng 01 năm 2022.

2. Bãi bỏ khoản 6 Điều 9, khoản 18 Điều 9, khoản 7 Điều 15, khoản 7 Điều 18, Điều 36, điểm e khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 40 của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Thương nhân kinh doanh xăng dầu đã được cấp Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu, các Giấy xác nhận kinh doanh xăng dầu, Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu được tiếp tục hoạt động theo các điều kiện quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP cho đến khi các Giấy phép, Giấy xác nhận, Giấy chứng nhận hết hiệu lực hoặc có sự thay đổi về điều kiện kinh doanh xăng dầu.

2. Đối với những hồ sơ đề nghị cấp mới, cấp lại Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu, các Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu, Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu gửi đến các cơ quan chức năng đầy đủ và hợp lệ trước ngày Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2014/NĐ-CP có hiệu lực thì áp dụng các điều kiện về kinh doanh xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP. Những trường hợp nộp hồ sơ cấp các Giấy phép, Giấy xác nhận, Giấy chứng nhận khác, áp dụng theo quy định tại Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện Nghị định

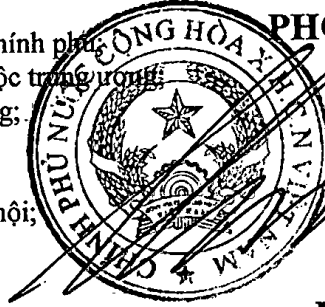
1. Bộ Công Thương, Bộ Tài chính phối hợp với các bộ ngành liên quan hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). 113

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Văn Thành



Phụ lục

*Nghị định số 95/2021/NĐ-CP
(Kèm theo Thông 11 năm 2021 của Chính phủ)*

Mẫu số 1	Đơn đề nghị cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu
Mẫu số 2	Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu
Mẫu số 3	Đơn đề nghị cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
Mẫu số 3a	Đơn đề nghị cấp/cấp lại do thay đổi thông tin Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ
Mẫu số 4a	Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng ... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI GIẤY
XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM THƯƠNG NHÂN ĐẦU MỐI
KINH DOANH XĂNG DẦU**

Kính gửi: Bộ Công Thương.

Tên doanh nghiệp:.....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại: số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp ngày... tháng... năm...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Bộ Công Thương xem xét, cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Nghị định số...../2021/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu.

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Nghị định số...../2021/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu và các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP*(Ký tên và đóng dấu)*

* Hồ sơ kèm theo, gồm:

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật, kèm theo các tài liệu chứng minh.
3. Danh sách cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê, danh sách tổng đại lý kinh doanh xăng dầu, đại lý bán lẻ xăng dầu, thương nhân nhận quyền thuộc hệ thống phân phối xăng dầu của thương nhân, kèm theo các tài liệu chứng minh.

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: -TNĐM/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm

**GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM THƯƠNG NHÂN ĐẦU MỐI
KINH DOANH XĂNG DẦU**

Cấp lần thứ nhất: ngày... tháng... năm...
Cấp bổ sung, sửa đổi lần thứ...: ngày... tháng... năm...
Cấp lại lần thứ...: ngày... tháng... năm...

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số/...../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ Nghị định số...../2021/NĐ-CP ngày..... tháng..... năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu;

Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu của..... (1);

Theo đề nghị của..... (2).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép..... (1)

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:..., do... cấp ngày... tháng... năm...

Mã số thuế:.....

Được kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu.

Điều 2......(1) phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Nghị định số...../2021/NĐ-CP ngày... tháng năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu này có giá trị đến hết ngày..... tháng năm; (3) thay thế cho Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu số ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương./.

Nơi nhận:

- (1);
- Bộ Tài chính;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- TCHQ - BTC;
-
- Lưu: VT, TTTN, XNK.

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Tên doanh nghiệp được cấp Giấy xác nhận.
- (2): Tên đơn vị trình cấp Giấy xác nhận.
- (3): Sử dụng trong trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại/hết hiệu lực Giấy xác nhận.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI GIẤY
CHỨNG NHẬN CỦA HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố ...

Tên doanh nghiệp:.....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cho cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Nghị định số...../2021/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu.

Tên cửa hàng bán lẻ xăng dầu:.....

Địa chỉ

Điện thoại:..... số Fax:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Nghị định số...../2021/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP*(Ký tên và đóng dấu)*

Hồ sơ kèm theo, gồm:

1. Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.
2. Bản kê trang thiết bị của cửa hàng bán lẻ xăng dầu theo quy định và tài liệu chứng minh tính hợp pháp về xây dựng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
3. Bản sao chứng chỉ hoặc giấy tờ tương đương về đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên cửa hàng bán lẻ xăng dầu.
4. Bản sao văn bản xác nhận cung cấp hàng cho các cửa hàng xăng dầu của thương nhân cung cấp.
5. Bản sao giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ 05 năm trở lên của thương nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

Mẫu số 3a

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm.....

**THÔNG BÁO KINH DOANH XĂNG DẦU BẰNG THIẾT BỊ BÁN XĂNG
DẦU QUY MÔ NHỎ**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố.....

Tên thương nhân:.....

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp/cấp thay đổi thông tin Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Nghị định số...../2021/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu.

Tên cửa hàng:.....

Địa chỉ kinh doanh.....

Doanh nghiệp.....xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Nghị định số...../2021/NĐ-CP ngày.... tháng năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu và các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động kinh doanh của mình./.

GIÁM ĐỐC*(Ký tên và đóng dấu)*

Hồ sơ kèm theo, gồm:

1. Bản sao Giấy xác nhận làm thương nhân kinh doanh xăng dầu theo các loại hình tương ứng theo quy định.
2. Bản sao Chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy của nhân viên kinh doanh trực tiếp.
3. Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ.

Mẫu số 4a

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ....
SỞ CÔNG THƯƠNGCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TNTB-SCT

....., ngày... tháng ... năm ...

**GIẤY TIẾP NHẬN THÔNG BÁO KINH DOANH XĂNG DẦU
BẰNG THIẾT BỊ BÁN XĂNG DẦU QUY MÔ NHỎ**

(Tên cơ quan tiếp nhận thông báo) xác nhận đã tiếp nhận Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ của:

Tên doanh nghiệp ⁽¹⁾.....

Địa chỉ trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax.....

Tên cửa hàng:.....

Địa chỉ kinh doanh:.....

Giấy tiếp nhận thông báo này chỉ ghi nhận sự cam kết của thương nhân kinh doanh xăng dầu. Thương nhân kinh doanh xăng dầu có trách nhiệm thực hiện chế độ kiểm tra, kiểm định định kỳ theo quy định hiện hành và phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết tại Đơn đề nghị cấp/cấp thay đổi thông tin Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ.

Nơi nhận:

- ⁽¹⁾;
- Bộ Công Thương (b/c);
-;
- Lưu:VT,... ⁽²⁾

GIÁM ĐỐC*(Ký tên và đóng dấu)***Chú thích:**

- (1): Tên thương nhân gửi Thông báo.
- (2): Tên các tổ chức, cá nhân có liên quan.